

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Bốn

2. Ông Nguyễn Trung Vẹn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Joshua Michael T, sinh năm 1998; địa chỉ: USA (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2023, đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/7/2023 của chị Nguyễn Thị Mỹ X với anh Joshua Michael T, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có bản tự khai trình bày:

Chị và anh Joshua Michael T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2019, quá trình chung sống giữa chị và anh T thường xuyên bất đồng quan điểm sống, khoảng cách địa lý quá xa dẫn đến vợ chồng không thể gần gũi, hòa hợp với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục hàn gắn được, giữa chị và anh T đã có văn bản thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Joshua Michael T có đề nghị giải quyết vắng mặt, có ý kiến tại Công văn số 08/TA-THC ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/7/2023 có ý kiến như sau: Anh thống nhất thuận tình ly hôn với chị X, đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị X, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Joshua Michael T kết hôn với nhau vào năm 2019 theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Trong quá trình hôn nhân giữa chị X và anh T cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không có điều kiện chăm sóc lẫn nhau, chị X yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T cũng thống nhất thuận tình ly hôn với chị X. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X, cho chị X ly hôn với anh T. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Joshua Michael T có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 30/10/2023 chị Nguyễn Thị Mỹ X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa, anh Joshua Michael T đồng ý cho Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Joshua Michael T

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ X kết hôn với anh Joshua Michael T vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam nên hôn nhân của chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Joshua Michael T là hôn nhân hợp pháp. Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để hai bên xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, nhưng hôn nhân giữa chị X với anh T có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hơn nữa hai người ở hai quốc gia khác nhau, không cùng chung sống với nhau, đời sống vợ chồng không gắn gũi nhau, nên việc quan tâm, chăm sóc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không thể tiếp tục. Chị X và anh T đều có ý kiến là thuận tình ly hôn với nhau, nên căn cứ Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X cho chị X và anh T được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X, cho chị X được ly hôn với anh T; về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét, là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Theo khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, chị X phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp.

[9] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, chị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55 và Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ X:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ X được ly hôn với anh Joshua Michael T.

Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018029 ngày 03/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh; chị Nguyễn Thị Mỹ X đã nộp đủ.

Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 1.508.036 đồng (một triệu, năm trăm năm lẻ tám nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng), chị X đã trực tiếp chi trả cho tổ chức bưu chính tổng số tiền này, chị X đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Riêng bị đơn đang ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 30 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Vẹn Nguyễn Hồng Bốn

Trịnh Hữu Bình

